

Số: 44 /NQ-HĐND8

Bình Dương, ngày 11 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Bộ tiêu thức phân công quản lý thuế đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp mã số thuế doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp;

Sau khi xem xét Tờ trình số 3972/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2015 về việc phê chuẩn Bộ tiêu thức phân công quản lý thuế đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Bộ tiêu thức phân công quản lý thuế đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

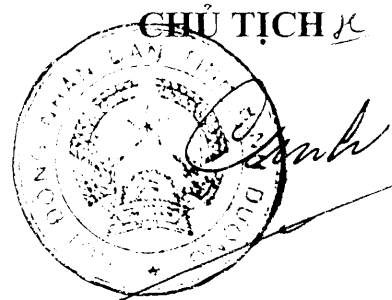
Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa VIII, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua. / *V. Văn*

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư;
- Tổng Cục thuế;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh, Website Bình Dương;
- Lưu CV, VT.



Phạm Văn Cảnh



Phụ lục

BỘ TIÊU THỨC PHÂN CÔNG QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG SXKD TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND8 ngày 11 tháng 12 năm 2015
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

I. Tổ chức, doanh nghiệp phân công Cục Thuế quản lý

Tổ chức, doanh nghiệp thỏa mãn một trong các tiêu thức sau được phân công cho Cục Thuế quản lý.

1. Phân công theo loại hình doanh nghiệp và quy mô vốn điều lệ

- a) Doanh nghiệp có vốn nhà nước;
- b) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;
- c) Doanh nghiệp dự án BOT (Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao), BTO (Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh), BT (Xây dựng - Chuyển giao);
- d) Doanh nghiệp có quy mô vốn điều lệ từ 30 tỷ đồng trở lên (trừ các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nêu tại Khoản 2 Mục II Phụ lục này);
- đ) Doanh nghiệp, chi nhánh sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;
- e) Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp trong và ngoài công lập;
- g) Doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh xuất khẩu thường xuyên thuộc đối tượng hoàn thuế giá trị gia tăng;
- h) Doanh nghiệp thuộc trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng (phát sinh hoàn thuế giá trị gia tăng) theo quy định trừ trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng do phát sinh từ hoạt động đầu tư mới, đầu tư mở rộng, âm thuế liên tục do tồn kho, giải thể, nộp thừa.

2. Phân công theo ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh thuộc mã ngành theo bảng sau được phân công Cục Thuế quản lý (không phụ thuộc quy mô vốn):

STT	Mã ngành	Tên ngành
1		Khai thác than cứng và than non
2	B0510	Khai thác và thu gom than cứng
3	B0610	Khai thác dầu thô
4	B0620	Khai thác khí đốt tự nhiên
5	B0710	Khai thác quặng sắt
6	B0721	Khai thác quặng uranium và quặng thorium
7	B0722	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
8	B0730	Khai thác quặng kim loại quý hiếm
9	D3510	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

STT	Mã ngành	Tên ngành
10	D3520	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống
11	H5011	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
12	H5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
13	K6411	Hoạt động ngân hàng trung ương
14	K6419	Hoạt động trung gian tiền tệ khác
15	K6420	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản
16	K6430	Hoạt động quỹ tín thác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác (trừ Hợp tác xã tín dụng)
17	K6491	Hoạt động cho thuê tài chính
18	K6492	Hoạt động cấp tín dụng khác
19	K6499	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)
20	K6511	Bảo hiểm nhân thọ
21	K6512	Bảo hiểm phi nhân thọ
22	K6520	Tái bảo hiểm
23	K6530	Bảo hiểm xã hội
24	K6611	Quản lý thị trường tài chính
25	K6612	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán
26	K6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
27	K6621	Đánh giá rủi ro và thiệt hại
28	K6622	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm
29	K6629	Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội
30	K6630	Hoạt động quản lý quỹ
31	L6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
32	M6920	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế
33	R9200	Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc
34	U9900	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế

II. Phân công Chi cục Thuế quản lý doanh nghiệp:

1. Phân công Chi cục Thuế quản lý đối với tổ chức, doanh nghiệp ngoài các tổ chức, doanh nghiệp nêu tại Mục I phụ lục này.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh: nhà hàng, khách sạn, karaoke, massage, doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, xe gắn máy, điện máy, kinh doanh vật liệu xây dựng, trồng trọt, chăn nuôi và mua, bán, chế tác vàng bạc, đá quý, đồ trang sức (không phân biệt quy mô vốn)/.